Thứ hai ngày 27 tháng 9 năm 2021

*Tập đọc*

NHỮNG CON SẾU BẰNG GIẤY

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

*-* Hiểu ý chính bài văn tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân, thể hiện khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em. (trả lời được các câu hỏi 1,2,3 )

*-* Đọc đúng tên người, tên địa lí nước ngoài. Bước đầu đọc diễn cảm được bài văn.

2 Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Giáo dục HS Yêu chuộng hòa bình, ghét chiến tranh.

II. Chuẩn bị:

Đồ dùng dạy học:

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK, bảng phụ viết sẵn đoạn 3 cần hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: Đọc tr­ước bài, SGK,vở viết...

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , thảo luận nhóm…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - 2 nhóm HS thi đọc bài và trả lời câu hỏi  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho học sinh thi đọc phân vai cả 2 phần vở kịch.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới: *(12 phút)* | |
| - Học sinh( M3,4) đọc bài, chia đoạn:  + Đ1: từ đầu...Nhật Bản.  + Đ2: Tiếp đến ….. nguyên tử  + Đ3: tiếp đến …..644 con.  + Đ4: còn lại.  - Nhóm trưởng điều khiển:  +HS nối tiếp đọc bài lần 1 kết hợp đọc từ khó trong nhóm  +HS nối tiếp đọc bài lần 2 kết hợp luyện đọc câu khó  - 1 HS đọc  - 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc.  - Cả lớp theo dõi.  - HS theo dõi | - Gọi HS đọc bài, chia đoạn  - Cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm. nhóm trưởng điều khiển)  - Yêu cầu học sinh đọc chú giải.  - Yêu cầu HS đọc theo cặp.  - Cho HS đọc toàn bài  - Giáo viên đọc mẫu |
| 3. Hoạt động Thực hành: (10 phút) | |
| - Học sinh đọc thầm bài thảo luận nhóm 4 tìm câu trả lời.  + Từ khi Mĩ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản.  +Học sinh nêu  + Học sinh nêu  +Ngày ngày gấp sếu vì em tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con sếu giấy treo quanh phòng em sẽ khỏi bệnh.  - Xa-da-cô chết, các bạn quyên tiền xây tượng đài nhớ các nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại; khắc chữ vào chân tượng đài: “Mong muốn cho thế giới này mãi mãi hoà bình”.  - Tố cáo tội ác chiến tranh hạt nhân nói lên khát vọng sống, khát vọng hoà bình của trẻ em toàn thế giới.  - HS nghe | - Yêu cầu HS đọc câu hỏi, đọc lướt bài, thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi, sau đó báo cáo giáo viên rồi chia sẻ trước lớp:  + Xa-da-cô bị nhiễm phóng xạ khi nào?  + Các bạn nhỏ làm gì để tỏ nguyện vọng hoà bình?  + Bạn hiểu phóng xạ là gì?  + Bom nguyên tử là gì?  + Cô bé kéo dài cuộc sống của mình bằng cách nào?  + Nội dung chính của bài là gì ?  - GV nhận xét, KL: |
| Luyện đọc hay: (6 phút) | |
| - Học sinh đọc nối tiếp bài (nhóm 4)  - Lớp lắng nghe  - Đoạn 1: đọc to rõ ràng;  - Đoạn 2: trầm buồn.  - Đoạn 3: thông cảm, chậm rãi, xúc động.  - Đoạn 4: trầm, chạm rãi.  - HS nhận xét  - HS quan sát  - Học sinh lắng nghe  - Luyện đọc theo cặp  - 3- 5 học sinh thi đọc.  - Lớp nhận xét. | - Cho HS đọc nối tiếp bài trong nhóm, tìm giọng đọc.  - GV và HS nhận xét giọng đọc  - GV treo bảng đoạn 3.  - Giáo viên đọc mẫu.  - Yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo cặp.  - Tổ chức thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt. |
| 4. HĐ vận dụng: *(2 phút)* | |
| HS trả lời | - Nếu được đứng trước tượng đài, bạn sẽ nói gì với Xa-da-cô?  - Em sẽ làm gì để bảo vệ hòa bình trên trái đất này ? |
|  | - Nhận xét tiết dạy |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Đạo đức*

CÓ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC LÀM CỦA MÌNH (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa.

*-* Ra quyết định và kiên định bảo vệ ý kiến đúng của mình

*-* Không tán thành với những hành vi trốn tránh trách nhiệm, đỗ lỗi cho người khác.

*2. Năng lực:* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3.Phẩm chất: Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Một vài mẩu chuyện về những người có trách nhiệm trong công việc hoặc dũng cảm nhận lỗi và sửa lỗi.

- Học sinh: SBT, vở

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS chia sẻ câu hỏi  - HS ghi vở | - Cho HS tổ chức chia sẻ theo câu hỏi:  + Vì sao chúng ta cần sống có trách nhiệm về việc làm của mình?  + Bạn đã làm gì để thực hiện nếp sống có trách nhiệm về việc làm của mình?  - Giới thiệu bài học. Ghi bài lên bảng. |
| 2. HĐ thực hành: *(10 phút)* | |
| HĐ 1: Xử lí tình huống (Bài tập 3)  - HS thảo luận nhóm.  - Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.  - HS nhớ lại và và kể về việc làm của mình.  - HS trao đổi với bạn bên cạnh về việc làm của mình.  - Vài HS nêu lại.  HĐ 2: Tự liên hệ bản thân.  - Hs nhớ lại một việc làm chứng tỏ mình đã có trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm:  + Chuyện xảy ra thế nào và lúc đó em đã làm gì?  + Bây giờ nghĩ lại em thấy thế nào?  - Yêu cầu một số HS trình bày trước lớp. | - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm xử lí một tình huống trong bài tập 3.  - Theo dõi, trao đổi bổ sung.  - GV nhận xét chốt lại ý đúng.  - Sau mỗi phần trình bày của HS, GV gợi ý để HS tự rút ra bài học  - GV kết luận:  + Khi giải quyết công việc hay xử lý tình huống một cách có trách nhiệm, chúng ta thấy vui, thanh thản và ngược lại.  + Người có trách nhiệm là người trước khi làm việc gì cũng suy nghĩ cẩn thận nhằm mục đích tốt đẹp; khi làm hỏng việc hoặc có lỗi họ dám nhận trách nhiệm. |
| 3. HĐ vận dụng: *(2 phút)* | |
| - HS nghe và thực hiện | - Thực hiện mình là người có trách nhiệm. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Toán*

ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: *-* Biết một dạng quan hệ tỷ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng cũng gấp lên bấy nhiêu lần).

*-* Giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- HS cả lớp làm được bài 1 .

*2 Năng lực:*

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3.Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm

II- CHUẨN BỊ

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con, vở...

III- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5phút) | |
| - Lớp trưởng điều khiển:  HS tổ chức chơi trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi sau:  + Nêu các bước giải bài toán tổng tỉ ?  + Nêu các bước giải bài toán hiệu tỉ ?  - HS nghe  - HS ghi vở | + Cách giải 2 dạng toán này có gì giống và khác nhau ?  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới: *(15 phút)* | |
| - 1 học sinh đọc.  - 4km  - 8km  - Gấp 2 lần  - Gấp 2 lần  - Gấp lên 2 lần.  - Gấp lên 3 lần  - Học sinh thảo luận rút ra nhận xét.    - 2 - 3 em nhắc lại.    - HS đọc  2 giờ đi 90km.  4 giờ đi ? km?  - Học sinh thảo luận, tìm ra 2 cách giải.  - Lấy 90 : 2 = 45 (km)  - Lấy 45 x 4 = 180 (km)  - Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường cũng gấp lên bấy nhiêu lần.  - 4 giờ gấp 2 giờ số lần là: 4:2=2 (lần).  - Gấp 2 lần vì kế hoạch tăng thời gian ? lần thì quãng đường cũng tăng lên bấy nhiêu lần.  - 4 giờ đi được: 90 x 2 =180 (km)    - Học sinh trình bày vào vở. | *\*Tìm hiểu về quan hệ tỉ lệ thuận.*  - Treo bảng phụ ghi ví dụ 1.  - Cho HS thảo luận nhóm 4 tìm hiểu đề, chẳng hạn như:  + 1 giờ người đó đi được bao nhiêu km?  + 2 giờ người đó đi được bao nhiêu km?  + 2 giờ gấp mấy lần 1 giờ?  + 8km gấp mấy lần 4km?  - Vậy khi thời gian gấp lên 2 lần thì quãng đường như thế nào ?  - Khi thời gian gấp 3 lần thì quãng đường như thế nào?  - Qua ví dụ trên hãy nêu mối quan hệ giữa thời gian và quãng đường đi được.  - KL: *Khi thời gian gấp lên bao nhiêu lần thì quãng đường gấp lên bấy nhiêu lần*  \* Giáo viên ghi nội dung bài toán.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Giáo viên ghi tóm tắt như SGK. Yêu cầu - Cho HS thảo luận tìm cách giải.  *Cách 1*: Rút về đơn vị.  - Tìm số km đi được trong 1 giờ?  - Tính số km đi được trong 4 giờ?  - Dựa vào mối quan hệ nào chúng ta làm như thế nào?  *Cách 2*: Tìm tỉ số.  - So với 2 giờ thì 4 giờ gấp ? lần  - Như vậy quãng đường đi được trong 4 giờ gấp quãng dường đi được trong 2 giờ mấy lần? Vì sao?  - 4 giờ đi được bao nhiêu km?  - KL: *Bước tìm* *4 giờ gấp 2 giờ mấy lần được gọi là bước tìm tỉ số*.  - Yêu cầu HS trình bày bài vào vở. |
| 3. HĐ thực hành: (13 *phút)* | |
| - Học sinh đọc đề  - HS phân tích đề, tìm cách giải  - HS làm vở, chia sẻ kết quả  Giải  *Mua 1m vải hết số tiền là:*  *80 000 : 5 = 16 000 (đồng)*  *Mua 7m vải đó hết số tiền là:*  *16 000 x 7 = 112 000 (đồng)*  *Đáp số: 112 000 đồng* | Bài 1: HĐ cá nhân  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS phân tích đề, tìm cách giải.  - Giáo viên nhận xét |
| 4. Hoạt động vận dụng(2 phút) | |
| - HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. | - Yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Lịch sử*

XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết một vài điểm mới về tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX : Vê kinh tế về xã hội .

+ Về kinh tế: Xuất hiện nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, đường ô tô, đường sắt.

+ Về xã hội: Xuất hiện các tầng lớp mới: chủ xưởng, chủ nhà buôn, công nhân.

- HS khá giỏi :

+ Biết được nguyên nhân của sự biến đổi kinh tế- xã hội nước ta: do chính sách tăng cường khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.

+ Nắm được mối quan hệ giữa sự xuất hiện những ngành kinh tế mới đã tạo ra các tầng lớp, giai cấp mới trong xã hội .

*-* Nêu được các điểm mới về tình hình kinh tế - xã hội VN đầu thế kỉ XX.

*-* Bồi dưỡng lòng say mê lịch sử nước nhà.

2.Năng lực:

+ Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

+ Năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử, năng lực vận dụng kiến thức Lịch sử vào thực tiễn.

3.Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

- GV:Hình minh hoạ SGK, tranh ảnh tư liệu về kinh tế, xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

- HS: SGK, vở

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi sau:  + Nguyên nhân nào dẫn đến cuộc phản công ở kinh thành Huế ngày 5/7/1885?  + Cuộc phản công có tác dụng gì đến lịch sử nước ta?  + Cuộc phản công này gắn với những nhân vật lịch sử nào ?  - HS lắng nghe  - HS ghi vở | - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) | |
| Hoạt động 1*: Những thay đổi của nền kinh tế Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.*  - Học sinh đọc SGK, quan sát hình minh hoạ để trả lời câu hỏi.  - Nông nghiệp là chủ yếu, tiểu thủ công nghiệp cũng phát triển.  - Xây nhà máy điện, nước, xi măng...  - Cướp đất của nhân dân.  - Lần đầu tiên có đường ô tô, đường ray xe lửa.  - Pháp  - HS phát biểu  - HS nghe  Hoạt động 2*:* *Những thay đổi trong xã hội Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 và đời sống của nhân dân*.  - Học sinh thảo luận nhóm, chia sẻ trước lớp  + Có 2 giai cấp: địa chủ phong kiến và nhân dân.  + Xuất hiện ngành kinh tế mới =>kéo theo sự thay đổi của xã hội.  + Thành thị phát triển có tầng lớp mới: viên chức, trí thức, chủ xưởng, giai cấp công nhân.  + Nông dân mất ruộng đói nghèo phải vào làm thuê trong các nhà máy, xí nghiệp. Đời sống cực khổ.  - 2 HS nêu bài học. | -Trước khi thực dân Pháp xâm lược nền kinh tế Việt Nam có những ngành nào là chủ yếu?  - Sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam, chúng đã thi hành những biện pháp nào để khai thác, bóc lột, vơ vét tài nguyên của nước ta? Những việc làm đó đã dẫn đến sự ra đời của những ngành kinh tế mới nào?  - Ai được thừa hưởng những quyền lợi do sự phát triển kinh tế?  - Yêu cầu học sinh phát biểu ý kiến.  - Giáo viên kết luận.  - Chia học sinh thành nhóm 4 với các câu hỏi:  +Trước khi thực dân Pháp xâm lược, xã hội Việt Nam có những tầng lớp nào?  + Khi thực dân Pháp đặt ách thống trị ở Việt Nam xã hội Việt Nam có gì thay đổi? Có thêm những tầng lớp mới nào?  + Nêu những nét chính về đời sống của công nhân và nông dân Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20?  - Giáo viên tổng kết lại những ý học sinh trả lời, khắc sâu kiến thức và rút ra bài học |
| 3. Hoạt động vận dụng (5 phút) | |
| - Do thực dân Pháp xâm lược nước ta. | -Nguyên nhân nào dẫn đến sự biến đổi kinh tế - xã hội nước ta? |
| - HS nghe và thực hiện | - Sưu tầm các hình ảnh tư liệu lịch sử về đời sống cùng cực của nhân ta cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Chính tả*

ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ GỐC BỈ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Viết đúng bài chính tả, trình bày đúng hình thức bài văn xuôi .

*-* Nắm chắc mô hình cấu tạo vần và quy tắc đánh dấu thanh trong tiếng có ia iê(BT2,BT3) .

2. Năng lực:

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3 Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Mô hình cấu tạo vần viết vào bảng phụ để kiểm tra bài cũ và làm bài tập

- HS: Sách giáo khoa, vở viết...

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS tổ chức trò chơi "Ai nhanh, ai đúng"  - 2 nhóm HS tham gia chơi, mỗi bạn chỉ được ghi 1 tiếng, sau đó về vị trí đứng ở hàng của mình, rồi tiếp tục đến bạn khác cho đến khi hết thời gian chơi.  - Học sinh nhận xét trò chơi  - Dấu thanh được đặt ở âm chính gồm: âm đệm, âm chính, âm cuối  - HS ghi vở | + Cho câu văn: “Chúng tôi muốn thế giới này mãi mãi hoà bình”.  + Hãy viết phần vần của các tiếng trong câu văn trên vào mô hình cấu tạo vần.  - Giáo viên nhận xét  - Nêu quy tắc đánh dấu thanh trong các tiếng của câu văn trên  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới:  2.1. Chuẩn bị viết chính tả. *(5 phút)* | |
| - Học sinh lắng nghe, lớp đọc thầm lại  - Vì ông nhận rõ tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược  - Bị bắt: dụ dỗ, tra khảo nhưng ông nhất định không khai.  - Ph.răng Đơ Bô-en, phi nghĩa, chiến tranh, Phan Lăng, dụ dỗ  - 3 học sinh viết bảng, lớp viết nháp.  - Học sinh nhận xét | *\*Tìm hiểu nội dung đoạn văn*  - Giáo viên đọc toàn bài chính tả  - Vì sao Ph.răng Đơ Bô-en lại chạy sang hàng ngũ quân đội ta?  - Chi tiết nào cho thấy ông rất trung thành với đất nước Việt Nam ta?  - Bài văn có từ nào khó viết ?  - Yêu cầu học sinh viết các từ vừa tìm được  - Giáo viên nhận xét |
| 2.2. HĐ viết bài chính tả. *(15 phút)* | |
| - Học sinh viết bài  - HS soát lỗi. | *-* Giáo viên đọc cho học sinh viết  - GV quan sát uốn nắn học sinh  - Đọc cho HS soát lỗi |
| 2.3. HĐ chấm và nhận xét bài. *(3 phút)* | |
| - HS xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bàng bút mực.  - Lắng nghe | - Cho HS tự soát lại bài của mình theo bài trên bảng lớp.    - GV chấm nhanh 5 - 7 bài  - Nhận xét nhanh về bài làm của HS |
| 3. HĐ luyện tập, thực hành: *(6 phút)* | |
| Bài 2: HĐ cá nhân  - 1 học sinh đọc, lớp theo dõi.  - Lớp làm vở, báo cáo kết quả  - HS nghe  - Giống: 2 tiếng đều có âm chính có 2 chữ cái (đó là nguyên âm đôi)  - Khác:  + tiếng *nghĩa*: không có âm cuối.  + tiếng *chiến*: có âm cuối.  Bài 3: HĐ cặp đôi  - Học sinh làm bài cặp đôi, thảo luận làm bài, trả lời câu hỏi:  - Dấu thanh được đặt trong âm chính.  - Dấu thanh đặt ở âm chính, tiếng *“chiến”* có âm cuối nên dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 2 nguyên âm đôi.  *“nghĩa”* không có âm cuối dấu thanh đặt ở chữ cái thứ 1 của nguyên âm đôi. | - Gọi học sinh đọc yêu cầu nội dung bài.  - Yêu cầu học sinh tự làm bài cá nhân.  - GV nhận xét chữa bài  - Hai tiếng đó giống và khác nhau ntn?  + Nêu quy tắc ghi dấu thanh trong tiếng ?  + Nêu quy tắc ghi dấu thanh ở tiếng *“chiến”* và *“nghĩa”*    - Giáo viên nhận xét. |
| 4. HĐ vận dụng*(4 phút)* | |
| HS trả lời | - Em hãy nêu quy tắc đánh dấu thanh các tiếng của cá từ sau: *khoáng sản, thuồng luồng, luống cuống* |
| - HS nghe và thực hiện | - Tìm hiểu thêm một số quy tắc chính tả khác . |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Toán*

LUYỆN TẬP

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*-* Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng một trong hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- HS làm bài1, bài 3, bài 4

*2. Năng lực:*

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm.

II- CHUẨN BỊ

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con...

III- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5phút) | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với các câu hỏi:  + Tiết học trước ta học giải dạng toán nào?  + Khi giải bài toán có liên quan đến tỉ lệ cùng tăng hoặc cùng giảm ta có mấy cách giải ? Đó là những cách nào?  - HS nghe  - HS ghi vở | - Cho HS chơi trò chơi  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ thực hành: *(25 phút)* | |
| Bài 1: HĐ nhóm  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thực hiện.  + Bài toán cho biết gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Biết giá tiền 1 quyển vở là không đổi, nếu gấp số tiền mua vở lên 1 số lần thì số vở mua được sẽ như thế nào?  *Mua 12 quyển vở: 24.000 đồng*  *Mua 30 quyển vở… đồng?*  - Khi số tiền gấp lên bao nhiêu lần thì số vở mua được gấp lên bấy nhiêu lần  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  Giải.  1 quyển vở có giá tiền là:  24 000 : 12 = 2 000 (đồng).  30 quyển vở mua hết số tiền là:  2 000 x 30 = 60 000 (đồng).  Đáp số: 60 000 đồng  - Bước tính giá tiền một quyển vở.  Bài 3: HĐ cá nhân  - HS vận dụng cách làm của bài tập 1 để áp dụng làm bài tập 2.  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả  Giải:  Mỗi ô tô chở được số học sinh là:  120 : 3 = 40 (học sinh)  160 học sinh cần số ô tô là:  160 : 40 = 4 (ô tô)  Đáp số: 4 ô tô.  Bài 4: HĐ cặp đôi  - Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài  - HS làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo lẫn nhau, báo cáo giáo viên  Giải.  Số tiền công được trả cho một ngày làm là:  72 000 : 2 = 36 000 (đồng)  Số tiền công trả cho 5 ngày làm là:  36 000 x 5 = 180 000 (đồng)  Đáp số 180 000 đồng  - Nếu mức trả công 1 ngày không đổi thì khi gấp (giảm) số ngày làm việc bao nhiêu lần thì số tiền nhận được cũng gấp (giảm) bấy nhiêu lần | - Giao nhiệm vụ cho HS đọc đề bài, thảo luận nhóm 4, trả lời câu hỏi và tìm cách giải, chẳng hạn như:  - Trong 2 bước tính của bài giải, bước nào gọi là bước rút về đơn vị?  - Giáo viên nhận xét  - GV nhận xét, kết luận  - Giáo viên nhận xét  - Nêu mối quan hệ giữa số ngày làm và số tiền công nhận được. Biết rằng mức trả công một ngày không đổi? |
| 3. HĐ vận dụng *(5 phút)* | |
| - HS giải  Bài giải  Công việc phải làm trong số ngày là:  8 - 6 = 2( ngày)  8 ngày gấp 6 ngày số lần là:  8 : 6 = 4/3( lần )  Muốn làm công việc đó trong 6 ngày cần số người là:  9 x 4/3 = 12 ( người)  Đáp số: 12 người. | - Cho HS giải bài toán theo tóm tắt sau:  *Dự định làm 8 ngày : 9 người.*  *Thực tế giảm 2 ngày : .....người ?* |
| - HS nghe và thực hiện. | - Cho HS về nhà làm bài theo tóm tắt sau:  *Mua3kg gạo tẻ, giá 8000 đồng/ 1kg*  *1kg gạo tẻ rẻ hơn gạo nếp 4000đồng.*  *Số tiền mua gạo tẻ mua .... kg gạo nếp ?* |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Khoa học*

TỪ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN TUỔI GIÀ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Xác định được bản thân mình đang ở vào giai đoạn nào?

*-* Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.

*2. Năng lực:* Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

3. Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Thông tin và hình trang 16, 17 SGK.

- Học sinh: Sưu tầm tranh ảnh của người lớn ở các lứa tuổi khác nhau và nghề khác nhau

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động mở đầu: (5 phút) | |
| - Học sinh tổ chức chơi trò chơi: bóc thăm các hình 1, 2, 3, 5 của bài 6. Bắt được hình vẽ nào thì nói về lứa tuổi ấy.  - Học sinh trả lời lên bảng bắt thăm về giai đoạn phát triển của cơ thể mà bức ảnh bắt được.  - Học sinh lắng nghe  - HS ghi vở | - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) | |
| \*Hoạt động 1: *Đặc điểm con người ở*  *từng giai đoạn: vị thành niên, trưởng thành, tuổi già.*  - Học sinh thảo luận nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi, sau đó cử đại diện báo cáo kết quả. | - Chia nhóm: phát cho mỗi nhóm một bộ hình 1, 2, 3, 4 SGK và yêu cầu học sinh quan sát trả lời câu hỏi:  + Tranh minh hoạ giai đoạn nào của con người?  + Nêu một số đặc điểm của con người ở giai đoạn đó?  + Cơ thể con người ở giai đoạn đó phát triển như thế nào?  + Con người có thể làm những việc gì?  - Giáo viên nhận xét. |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | Giai đoạn | Hình  minh họa | Đặc đểm | | Tuổi vị thành niên  Từ 10 – 19 tuổi | 1 | - Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con => người lớn thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về thể chất, tinh thần, tình cảm và mối quan hệ xã hội. Như vậy, tuổi dậy thì nằm trong giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên | | Tuổi trưởng thành  Từ 20 – 60 tuổi | 2 - 3 | - Giai đoạn đầu: tầm vóc, thể lực phát triển nhất, các cơ quan trong cơ thể hoàn thiện. Lúc này có thể lập gia đình, chịu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. | | Tuổi già  Từ 60 - 65 tuổi trở lên | 4 | - Cơ thể dần suy yếu: chức năng hoạt động của các cơ quan giảm dần. Có thể kéo dài tuổi thọ bắng cách rèn luyện thân thể, sống điều độ và tham gia các hoạt động xã hội. | | |
| \*Hoạt động 2*:* *Sưu tầm và giới thiệu người trong ảnh.*  - Học sinh đưa ra các bức ảnh mà mình chuẩn bị  - Học sinh giới thiệu người trong ảnh với các bạn trong nhóm.  - 5 -7 học sinh giới thiệu về người trong bức ảnh mà mình chuẩn bị.  \* Hoạt động 3*:* *Ích lợi của việc biết được các giai đoạn phát triển của con người.*  - 2 học sinh cùng bàn trao đổi, thảo luận  - Giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên hay tuổi dậy thì.  - Biết được đặc điểm tuổi dậy thì giúp ta không e ngại, lo sợ về những biến đổi của cơ thể, về thể chất, tinh thần tránh được sự lôi kéo không lành mạnh, giúp ta có chế độ ăn uống, làm việc, học tập phù hợp , để cơ thể phát triển toàn diện | - Giáo viên kiểm tra ảnh của HS chuẩn bị  - Chia nhóm 4: học sinh giới thiệu người trong ảnh mà mình sưu tầm được với các bạn trong nhóm: Họ là ai? Làm nghề gì?  - Họ đang ở giai đoạn nào của cuộc đời, giai đoạn này có đặc điểm gì?  - Yêu cầu học sinh trình bày trước lớp.  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  - Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi.  - Tổ chức cho học sinh trình bày.  + Chúng ta đang ở giai đoạn nào của cuộc đời?  + Việc biết từng giai đoạn phát triển của con người có lợi ích gì?  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương  - Giáo viên kết luận về giai đoạn phát triển của tuổi học sinh |
| 3. Hoạt động vận dụng (5 phút) | |
| - Giới thiệu với các bạn về những thành viên trong gia đình bạn và cho biết từng thành viên đang ở vào giai đoạn nào của cuộc đời |  |
| - Kể những việc để chăm sóc ông bà . | - Nhận xét |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Luyện từ và câu*

TỪ TRÁI NGHĨA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Bước đầu hiểu thế nào là từ trái nghĩa, tác dụng của những từ trái nghĩa khi đặt cạnh nhau

*-* Nhận biết được từ trái nghĩa trong các thành ngữ, tục ngữ (BT1); biết tìm từ trái nghĩa với những từ cho trước (BT2, BT3). HS( M3,4) đặt được 2 câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT3 .

*2. Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3.Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- GV: Bảng lớp viết nội dung bài tập 1, 2, 3 phần luyện tập, Từ điển tiếng Việt.

- HS : SGK, vở viết

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS thi đọc, nêu các từ đồng nghĩa đã sử dụng trong đoạn văn đó.  - Lớp nhận xét đoạn văn bạn viết, nhận xét các từ đồng nghĩa bạn đã dùng đúng đúng chưa.  - HS nhận xét, bình chọn bạn viết hay nhất.  - HS ghi vở | - Giáo viên nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới: *(15 phút)* | |
| Bài 1: HĐ cặp đôi  - Học sinh đọc yêu cầu của bài.  *- Phi nghĩa, chính nghĩa*  - Học sinh thảo luận tìm nghĩa của từ *phi nghĩa, chính nghĩa*  - Là đúng với đạo lý, điều chính đáng cao cả.  - Phi nghĩa trái với đạo lý  - Hai từ đó có nghĩa trái ngược nhau  - Từ trái nghĩa là từ có nghĩa trái ngược nhau  Bài 2, 3: HĐ cặp đôi  - Học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Học sinh thảo luận nhóm, báo cáo kết quả:  - Chết / sống; vinh/ nhục  *+ vinh*: được kính trọng, đánh giá cao;  + *nhục*: bị khinh bỉ  - Làm nổi bật quan niệm sống của người Việt Nam ta. Thà chết mà dược tiếng thơm còn hơn sống mà bị người đời khinh bỉ.  - Dùng từ trái nghĩa có tác dụng làm nổi bật sự vật, sự việc, hoạt động trạng thái đối lập nhau.  - 3 học sinh nối tiếp ghi nhớ | - Cho HS đọc yêu cầu  - Nêu các từ in đậm ?  - Yêu cầu học sinh trao đổi theo cặp so sánh nghĩa của 2 từ *phi nghĩa, chính nghĩa.*  - Em hiểu *chính nghĩa* là gì?  - *Phi nghĩa* là gì?  - Em có nhận xét gì về nghĩa của 2 từ chính nghĩa và phi nghĩa?  - Giáo viên kết luận: hai từ *“chính nghĩa”* và *“phi nghĩa”* có nghĩa trái ngược nhau gọi là từ trái nghĩa.  - Qua bài tập em biết: Thế nào là từ trái nghĩa?  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Thảo luận nhóm đôi để tìm các từ trái nghĩa?  - Tìm các cặp từ trái nghĩa trong câu?  - Tại sao em cho đó là các cặp từ trái nghĩa?  - Từ trái nghĩa trong câu có tác dụng gì?  *- Kết luận:* Ghi nhớ SGK |
| 3. HĐ luyện tập, thực hành: *(15 phút)* | |
| Bài 2: HĐ cá nhân  - Học sinh đọc yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả:  *- đục/ trong; đen/ sáng; rách/ lành; dở/ hay*  - Lớp nhận xét.  - Nhóm trưởng điều khiển  - Học sinh trong nhóm thảo luận, tìm từ trái nghĩa.  - Học sinh đọc yêu cầu.  - Lớp làm vở cá nhân, báo cáo kết quả.  - HS nhận xét  Bài 3: HĐ nhóm  - Đại diện nhóm trình bày, lớp nhận xét  - Hoà bình > < chiến tranh/ xung đột  - Thương yêu > < căm giận/ căm ghét/ căm thù  - Đoàn kết > < chia sẻ/ bè phái  - Giữ gìn > < phá hoại/ tàn phá  Bài 4: HĐ cá nhân  - HS đọc yêu cầu  - Học sinh tự làm bài  - Trình bày kết quả  - 8 học sinh đọc nối tiếp câu mình đặt | - Gọi HS đọc yêu cầu  - Giáo viên yêu cầu học sinh tự làm bài  - Giáo viên nhận xét  - Giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm làm bài  - Chia 4 nhóm: yêu cầu học sinh thảo luận từ trái nghĩa với các từ “hoà bình, thương yêu, đoàn kết, giữ gìn”  - Giáo viên nhận xét  - Giáo viên nhận xét |
| 4. Hoạt động vận dụng (3 phút) | |
| - Tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau:  *Nơi hầm tối lại là nơi sáng nhất*  *Nơi con tìm ra sức mạnh Việt Nam.* | - Nhận xét |
| - HS nghe và thực hiện | - Về nhà viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 - 7 câu kể về gia đình em trong đó có sử dụng các cặp từ trái nghĩa. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Tập đọc*

BÀI CA VỀ TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ: Mọi người hãy sống vì hoà bình chống chiến tranh, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc.( Trả lời các câu hỏi trong SGK, học thuộc 1,2 khổ thơ ) .Học thuộc ít nhất 1 khổ thơ .

*-* Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng vui, tự hào .

- HS HTT học thuộc và đọc diễn cảm được toàn bộ bài thơ .

*2. Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- GV: + Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

+ Bảng phụ viết sẵn 1 đoạn thơ hướng dẫn học sinh đọc diễn cảm.

- HS: SGK, vở

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS tổ chức trò chơi "Hộp quà bí mật" với nội dung đọc một đoạn trong bài “Những con sếu bằng giấy” và trả lời câu hỏi trong SGK.  - HS nghe  - HS ghi vở | - Quan sát HS chơi trò chơi  - Nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới (12 phút): | |
| - Một học sinh đọc tốt đọc toàn bộ bài thơ.  - Đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm  - Nhóm trưởng điều khiển  + Lần 1: Đọc + luyện đọc từ khó, câu khó.  + Lần 2: Đọc + giải nghĩa từ  - Luyện đọc theo cặp  - Đọc toàn bài | - Giáo viên đọc diễn cảm toàn bài: Giọng vui tươi, hồn nhiên, nhấn giọng vào từ gợi tả, gợi cảm. |
| 3. Hoạt động Thực hành: (10 phút) | |
| - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận trả lời câu hỏi rồi báo cáo, chia sẻ trước lớp  - Trái đất giống như quả bóng xanh bay giữa bầu trời xanh: có tiếng chim bồ câu và những cánh hải âu vờn sóng biển.  - Mỗi loài hoa có vẻ đẹp riêng nhưng loài hoa nào cũng quý cũng thơm như mọi trẻ em trên thế giới dù khác màu da nhưng đều bình đẳng, đều đáng quý đáng yêu.  - Phải chống chiến tranh, chống bom nguyên tử, bom hạt nhân, vì chỉ có hoà bình, tiếng hát tiếng cười mới mang lại sự bình yên, sự trẻ mãi không già cho trái đất.  - Mọi người hãy sống vì hoà bình chống chiến tranh, bảo vệ quyền bình đẳng của các dân tộc  - Học sinh đọc lại. | - Cho học sinh đọc thầm bài thơ rồi trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi:  1. Hình ảnh trái đất có gì đẹp?  2. Em hiểu hai câu cuối khổ thơ 2 nói gì?  3. Chúng ta phải làm gì để giữ bình yên cho trái đất?  4. Nội dung chính của bài là gì ?  - Giáo viên tổng kết ý chính.  - Nội dung: giáo viên ghi bảng. |
| Luyện đọc hay: (6 phút) | |
| - Học sinh đọc nối tiếp bài thơ.  - Học sinh luyện đọc diễn cảm theo cặp.  - Học sinh nhẩm học thuộc lòng bài thơ.  - HS thi học thuộc lòng  - Cả lớp hát bài hát: *Bài ca trái đất.* | - Hướng dẫn các em đọc đúng.  - Hướng dẫn luyện đọc diễn cảm khổ thơ 1, 2, 3.  - Giáo viên đọc mẫu khổ thơ 1, 2, 3.  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi học thuộc lòng. |
| 4. HĐ vận dụng: *(2 phút)* | |
| - HS nêu  - Nhận xét | - Em sẽ làm gì để cho trái đất mãi mãi hòa bình ? |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Kể chuyện*

TIẾNG VĨ CẦM Ở MỸ LAI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Hiểu được ý nghĩa chuyện: Ca ngợi người Mĩ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam .

*-* Dựa vào lời kể của giáo viên, hình ảnh minh hoạ và lời thuyết minh , kể lại được câu chuyện Tiếng vĩ cầm ở Mỹ Lai đúng ý ngắn gọn rõ các chi tiết trong truyện . Kết hợp với cử chỉ điệu bộ một cách tự nhiên .

*2. Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3.Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- GV: Tranh minh họa truyện

- HS: SGK, vở

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: *(3 phút)* | |
| - HS tổ chức thi đua: Kể lại một việc làm tốt góp phần xây dựng quê hương đất nước của một người em biết.  - HS thi kể.  - HS bình chọn bạn kể hay, đúng yêu cầu.  - HS ghi vở | - GV nhận xét chung  - Giới thiệu bài - Ghi đầu bài lên bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới (12 phút) | |
| - Học sinh nghe.  - HS nghe  + Ảnh 1: Cựu chiến binh Mỹ Mai- cơ, ông trở lại Việt Nam với mong ước đánh một bản đàn cầu nguyện cho linh hồn của những người đã khuất ở Mỹ Lai .  + Ảnh 2: Năm 1968 quân đội Mỹ đã huỷ diệt Mỹ Lai, với những bằng chứng về vụ thảm sát.  + Ảnh 3: Hình ảnh chiếc trực thăng củaTôm-xơn và đồng đội đậu trên cách đông Mỹ Lai tiếp cứu 10 người dân vô tội.  + Ảnh 4: Hai lính Mỹ đang dìu anh lính da đen Hơ-bớt, tự bắn vào chân mình để khỏi tham gia tội ác.  + Ảnh 5: Nhà báo Tô-nan đã tố cáo vụ thảm sát Mỹ Lai trước công chúng.  - Tôm-xơn và Côn-bơn đã trở lại Việt Nam sau 30 năm xảy ra vụ thảm sát. | *\* Giáo viên kể mẫu:*  - Giáo viên kể lần 1: kết hợp tranh ảnh.  - Giáo viên kể lần 2: kết hợp tranh ảnh.  + Đoạn 1: Giọng chậm rãi, trầm nắng.  + Đoạn 2:Giọng nhanh hơn, căm hờn, nhấn giọng những từ ngữ tả tội ác của lính Mỹ.  + Đoạn 3: Giọng hồi hộp.  + Đoạn 4: Giới thiệu ảnh tư liệu.  + Đoạn 5: Giới thiệu ảnh 6, 7. |
| 3. Hoạt động Thực hành: (10 phút) | |
| - Tổ chức hoạt động nhóm đôi. Tập kể từng đoạn nối tiếp trong nhóm  - HS thi kể  - Lớp bình chọn người kể hay | - Yêu cầu HS bình chọn người kể hay  - Nhận xét. |
| - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trong nhóm thảo luận tìm ý nghĩa câu chuyện:  + Ca ngợi người Mĩ có lương tâm dũng cảm đã ngăn chặn và tố cáo tội ác của quân đội Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam . | - Hướng dẫn học sinh kể, trao đổi ý nghĩa câu chuyện.  - GVKL: |
| 4. HĐ vận dụng (2 phút) | |
| - Học sinh nêu ý nghĩa câu chuyện. | - Giáo viên nhận xét tiết học. |
| - Về nhà kể lại câu chuyện này cho mọi người nghe. | - Dặn dò. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Toán*

ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG VỀ GIẢI TOÁN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết một dạng quan hệ tỉ lệ (đại lượng này gấp lên bao nhiêu lần thì đại lượng tương ứng lại giảm đi bấy nhiêu lần) .

*-* Biết giải bài toán liên quan đến quan hệ tỉ lệ này bằng một trong hai cách “ Rút về đơn vị” hoăc “ Tìm tỉ số” .

- Học sinh cả lớp làm được bài 1 .

2. *Năng lực:*

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3.Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: SGK, bảng phụ

- HS : SGK, vở , bảng con

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Cho học sinh hát tập thể | - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ hình thành kiến thức mới: *(20 phút)* | |
| \* HĐ 1: *ví dụ SGK*  - Học sinh tự tìm kết quả số bao gạo có được khi chia hết 100 kg gạo vào các bao rồi điền vào bảng.  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận tìm cách giải sau đó chia sẻ trước lớp.  - “Khi số kg gạo ở mỗi bao gấp lên bao nhiêu lần thì số bao gạo lại giảm đi bấy nhiêu lần”.  \*HĐ 2*:* *Giới thiệu bài toán và cách* giải.  Cách 1: “Rút về đơn vị”  Muốn đắp nền nhà trong 1 ngày, cần số người là:  12 x 2 = 24 (người)  Muốn đắp nền nhà trong 4 ngày cần số người là:  24 : 4 = 6 (người)  Đáp số: 6 người.  Cách 2: “Dùng tỉ số”  4 ngày gấp 2 ngày số lần là:  4 : 2 = 2 (lần)  Muốn đắp nền nhà trong 4 ngày, cần số người là:  12 : 2 = 6 (người)  Đáp số: 6 người | - Giáo viên cho học sinh quan sát rồi gọi nhận xét.  - Giáo viên yêu cầu HS thảo luận giải bài tập theo 2 cách.  *- GVKL*: Có 2 cách giải dạng toán này đó là rút về đơn vị và dùng tỉ số |
| 3. HĐ thực hành: *(10 phút)* | |
| Bài 1: HĐ cá nhân  - Học sinh làm bài cá nhân, chia sẻ trước lớp.  Giải  Muốn làm xong công việc trong 1 ngày cần:  10 x 7 = 70 (người).  Muốn làm xong công việc trong 5 ngày cần:  70 : 5 = 14(người).  Đáp số: 14 người | - Yêu cầu học sinh cách giải bằng cách rút về đơn vị.  Tóm tắt:  7 ngày: 10 người  5 ngày: . . . người |
| 4. Hoạt động vận dụng (3 phút) | |
| - HS thực hiện  *Giải :*  *Giá tiền 1 quyển sách là :*  *45 500 : 5 = 9 100 (đồng)*  *Mua 30 quyển sách như thế hết số tiền là:*  *9 100 x 30 = 273 000 (đồng)*  *Đáp số : 273 000 (đồng)* | - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau:  *Mua 5 quyển sách cùng loại hết 45500 đồng. Hỏi mua 30 quyển sách như thế hết bao nhiêu tiền?* |
| .- HS nghe và thực hiện | - Về nhà giải bài toán ở phần ứng dụng bằng cách khác |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Địa lý*

SÔNG NGÒI

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nêu được một số đặc điểm chính và vai trò của sông ngòi VN: mạng lưới sông ngòi dày đặc; sông ngòi có lượng nước thay đổi theo mùa (mùa mưa thường có lũ lớn) và có nhiều phù sa; sông ngòi có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống: bồi đắp phù sa, cung cấp nước, tôm cá, nguồn thuỷ điện.

- Xác lập được mối quan hệ địa lí đơn giản giữa khí hậu và sông ngòi: nước sông lên, xuống theo mùa; mùa mưa thường có lũ lớn; mùa khô nước sông hạ thấp.

*-*Chỉ được vị trí một số con sông: Hồng, Thái Bình, Tiền, Hậu, Đồng Nai, Mã, Cả trên bản đồ (lược đồ).

- Nêu được vai trò thiên nhiên đối với con người. Trình bày một số vấn đề về môi trường. Đề xuất biện pháp xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp.

\* GD sử dụng NLTK&HQ :

- Sông ngòi nước ta là nguồn thuỷ điện lớn và giới thiệu công suất sản xuất điện của một số nhà máy thuỷ điện ở nước ta : nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, Y- a- li, Trị An.

- HS HTT:

+ Giải thích được vì sao sông ở miền Trung ngắn và dốc .

+ Biết những ảnh hưởng do nước sông lên, xuống theo mùa ảnh hưởng tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta .

- Sử dụng điện và nước tiết kiệm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

*-* Bồi dưỡng kiến thức về sông ngòi.

*2 Năng lực:*

+ Năng lực tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sán g tạo.

+ Năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí, năng lực vận dụng kiến thức Địa lí vào thực tiễn.

3.Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học

- GV: Bản đồ địa lý Việt Nam, tranh ảnh về sông mùa lũ và mùa cạn.

- HS: SGK, vở

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" với các câu hỏi:  + Nước ta thuộc đới khí hậu nào ?  + Nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta?  + Khí hậu MB và MN khác nhau như thế nào? | - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) | |
| *\*Hoạt động 1: Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc.*  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm quan sát, trả lời câu hỏi sau đó chia sẻ trước lớp.  + Lược đồ sông ngòi Việt Nam dùng để nhận xét về sông ngòi của nước ta  + Nước ta có nhiều sông, phân bố ở khắp đất nước.    - Các sông lớn:  +Miền Bắc: sông Hồng, sông Đà, sông Thái Bình.  +Miền Nam: sông Tiền, sông Hậu, sông Đồng Nai.  +Miền Trung: sông Mã, sông Cả, sông Đà Rằng  - Ngắn, dốc do miền Trung hẹp ngang, địa hình có độ đốc lớn.  - Sông Hồng, ...  - Dày đặc, phân bố khắp đất nước  \**Hoạt động 2: Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa, sông có nhiều phù sa*  *\* Hoạt động 3: Vai trò của sông ngòi.*  - Các nhóm thảo luận, hoàn thành bảng:  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.  - Phụ thuộc vào lượng mưa.  - Mùa mưa: mưa nhiều, mưa to, nước sông dâng cao.  - Mùa khô: ít mưa, nước sông hạ thấp, trơ lòng.  Mùa mưa nước sông có màu đỏ đó là phù sa.  - HS chơi trò chơi tiếp sức  1. Bồi đắp nên nhiều đồng bằng.  2. Cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất.  3. Là nguồn thuỷ điện  4. Là đường giao thông.  5. Là nơi cung cấp thuỷ sản: tôm, cá  6. Là nơi phát triển nuôi trồng thuỷ sản | - Giáo viên treo lược đồ sông ngòi Việt Nam, giao nhiệm vụ cho HS quan sát, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  + Đây là lược đồ gì ? Lược đồ này dùng để làm gì ?  + Nước ta có nhiều hay ít sông? Phân bố ở đâu? Em có nhận xét gì về hệ thống sông ngòi ở Việt Nam?  *- Kết luận:* nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc, phân bố ở khắp đất nước.  + Kể tên và chỉ tên trên lược đồ vị trí của các con sông?  - Giáo viên lưu ý học sinh dùng que chỉ các con sông theo dòng chảy từ nguồn tới biển (không chỉ vào 1 điểm)  + Sông ngòi miền Trung có đặc điểm gì?  + Vì sao sông ngòi miền Trung lại có đặc điểm đó?  - Địa phương em có dòng sông nào?  - Em có nhận xét gì về sông ngòi Việt Nam?  - Giáo viên tóm tắt nội dung, kết luận  - Chia HS thành 4 nhóm: yêu cầu thảo luận nhóm hoàn thành bảng thống kê  - Giáo viên sửa chữa, hoàn chỉnh câu trả lời của học sinh.  - Lượng nước trên sông phụ thuộc vào yếu tố nào của khí hậu?  - Mực nước của sông vào mùa lũ, khô có khác nhau không? Tại sao?  - Giáo viên tổ chức cho học sinh thi tiếp sức kể về vai trò của sông ngòi?  - GV theo dõi, sửa sai . |
| 4. HĐ vận dụng *(7 phút)* | |
| - Sông Hồng và sông Cửu Long  - Hòa bình, Thác Bà, Y-a-li.... | - Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ do sông nào bồi đắp?  - Kể tên một số nhà máy thuỷ điện của nước ta? |
| - HS nghe và thực hiện. | - Tìm hiểu đặc điểm cảu các con sông có thể xây dựng thủy điện. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

Thứ năm ngày... tháng... năm 2021

*Kĩ thuật*

THÊU DẤU NHÂN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết cách thêu dấu nhân

*-* Thêu được mũi thêu dấu nhân. Các mũi thêu tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm dấu nhân. Đường thêu có thể bị dúm.

*-* Yêu thích sản phẩm làm được.

*2. Năng lực:* Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

3.Phẩm chất: Giáo dục tính cẩn thận, tỉ mỉ và kiên trì cho học sinh. Yêu thích môn học.

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: + Mẫu thêu dấu nhân

+ Một mảnh vải trắng hay màu 10cm x 15cm

+ Chỉ thêu, kim, bút chì, thước kẻ, kéo

- Học sinh: Bộ đồ dùng khâu, thêu

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - HS hát  - Lắng nghe  - HS ghi vở | - Đánh giá thêu dấu nhân ở tiết 1.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (15 phút) | |
| - Quan sát  - HS thảo luận nhóm nhận xét  - Quan sát, so sánh  - Quan sát  - Trả lời  - 1 HS đọc  - HS quan sát  - HS thực hiện  - Quan sát, nhận xét  - HS nhắc lại | Hoạt động 1: *Quan sát, nhận xét mẫu*  - Giới thiệu mẫu  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm nêu nhận xét về đặc điểm của đường thêu  - HD học sinh quan sát mẫu thêu dấu nhân  - Giới thiệu sản phẩm thêu được bằng dấu nhân  - Gọi HS nêu ứng dụng  Hoạt động 2: *HD thao tác kĩ thuật*  - HD đọc mục II SGK và nêu các bước thêu  - Yêu cầu đọc mục1 và quan sát hình 2 và nêu cách vạch dấu đường thêu  - HD đọc mục 21 và quan sát hình 3 SGK  - Gọi đọc mục 2b, 2c và quan sát hình 4a, 4b, 4c, 4d |
| 3. Hoạt động thực hành: (15 phút) | |
| - HS thực hiện các mũi tiếp theo  - Thực hành  - HS quan sát  - HS nhắc lại  - HS thực hành  - HS hoàn thành sản phẩm | - HD các thao tác thêu mũi 1, 2  - Quan sát, uốn nắn  - HD quan sát hình 5 và nêu các kết thúc đường thêu  - Yêu cầu HS nhắc lại cách thêu  - Tổ chức cho HS thêu trên vải  - Hoàn thành sản phẩm |
| 4. Hoạt động vận dụng (4 phút) | |
| - HS nghe  - HS nêu lại | - Nhận xét sản phẩm của HS.  - Nêu lại các bước thêu dấu nhân. |
| - HS nghe và thực hiện | - Vận dụng thêu dấu nhân, thêu một sản phẩm mà em yêu thích. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Toán*

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “ tìm tỉ số”.

*-* Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng 1 trong 2 cách “Rút về đơn vị” hoặc “ tìm tỉ số”

*-* HS cả lớp làm được bài 1, 2 .

*2.Năng lực:*

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK, bảng con

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Chơi trò chơi: *Trời - Đất- Nước* (GV hô Trời, HS phải nêu tên được 1 con vật sống trên trời, hô Cá, HS phải nói được là Nước,...)  - Nêu mối quan hệ giữa các đại lượng tỉ lệ nghịch.  - Lớp nhận xét  - HS ghi vở | - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng |
| 2. HĐ thực hành: *(25 phút)* | |
| Bài 1: HĐ nhóm  - Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận  - Số quyển vở mua được sẽ gấp lên bấy nhiêu lần  - Học sinh làm theo 2 cách  *\* Cách 1 :*  Người đó có số tiền là:  3000 x 25 = 75.000 (đồng).  Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số quyển là:  75.000 : 15000 = 50 (quyển).  Đáp số : 50 quyển  *\*Cách 2:*  3.000 đồng gấp 1500 đồng số lần là:  3.000 : 1500 = 2 (lần).  Nếu 1 quyển giá 1500 đồng thì mua được số vở là:  25 x 2 = 50 (quyển)  Đáp số : 50 quyển  Bài 2: HĐ cặp đôi  - Học sinh đọc đề, HS đọc thầm, thảo luận cặp đôi làm bài.  - Tổng thu nhập không đổi, khi số người tăng thu nhập bình quân của một người sẽ giảm.  - Tính xem khi có 4 người thì thu nhập trung bình hàng tháng của mỗi người là bao nhiêu.  - Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở để kiểm tra chéo.  *Giải*  Tổng thu nhập của gia đình đó là:  800 000 x 3 = 2 400 000 (đồng)  Khi có thêm 1 con thì thu thập trung bình của một người là:  2.400.000 : 4 = 600.000 (đồng)  Trung bình hàng tháng mỗi người giảm:  800 000 - 600 000 = 200 000 (đồng)  Đáp số: 200 000 đồng | - Gọi HS đọc yêu cầu  - Cho HS thảo luận nhóm để làm bài  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  + Cùng số tiền đó, khi giá tiền 1 quyển vở giảm đi số lần thì số quyển vở thay đổi như thế nào?  - Yêu cầu học sinh làm bài  - Yêu cầu học sinh nêu bước tìm “tỉ số” trong bài giải  - Giáo viên đánh giá  - Gọi HS đọc yêu cầu, thảo luận cặp đôi làm bài theo gợi ý:  + Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?  + Tổng thu nhập của gia đình không đổi, khi tăng số con thì thu nhập bình quân của mỗi người hàng tháng thay đổi như thế nào?  + Muốn biết trung bình hàng tháng của 1 người giảm bao nhiêu, chúng ta phải làm gì ?  - Yêu cầu học sinh làm bài.  *Tóm tắt:*  3 người : 800.000 đồng / người / tháng  4 người : ... đồng / người / tháng |
| 3. HĐ vận dụng *(5 phút)* | |
| - HS làm bài  *Bài giải :*  *20 công nhân gấp 10 công nhân số lần là:*  *20 : 10 = 2 (lần)*  *20 công nhân sửa được số m đường là :*  *40 x 2 = 80 (m)*  *Đáp số : 80 m.* | - Yêu cầu HS vận dụng kiến thức làm bài tập sau:  *Cứ 10 công nhân trong một ngày sửa được 40 m đường. Với năng suất như vậy thì 20 công nhân làm trong một ngày sẽ sửa được bao nhiêu mét đường?* |
| HS nghe và thực hiện | -- Về nhà vận dụng kiến thức làm bài tập sau:  *Có một nhóm thợ làm đường, nếu muốn làm xong trong 6 ngày thì cần 27 công nhân. Nếu muốn xong trong 3 ngày thì cần bao nhiêu công nhân?* |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Tập làm văn*

LUYỆN TẬP TẢ CẢNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Lập được dàn ý cho bài văn tả ngôi trường đủ ba phần: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn được những nét nổi bật để tả ngôi trường.

*-* Dựa vào dàn ý viết được một đoạn văn miêu tả hoàn chỉnh, sắp xếp các chi tiết hợp lí.

*-* Bỗi dưỡng sự yêu thích viết văn tả cảnh.

*2. Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3.Phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- Giáo viên: Bút dạ, bảng nhóm

- Học sinh: Quan sát cảnh trường học và ghi chép lại.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động: (5 phút) | |
| - Học sinh thi đọc  - Lớp theo dõi, nhận xét  - HS chuẩn bị  - Học sinh lắng nghe - Ghi vở | - Cho học sinh thi đọc đoạn văn tả cơn mưa  - Giáo viên nhận xét  - Kiểm tra kết quả quan sát trường học của học sinh đã chuẩn bị.  - Giáo viên nhận xét  - Giáo viên giới thiệu dựa vào kết quả quan sát về trường học để lập dàn ý cho bài văn tả trường học, viết một đoạn văn trong bài này.  - Học sinh thi đọc  - Lớp theo dõi, nhận xét |
| 2. HĐ thực hành: *(25 phút)*  \*Cách tiến hành: | |
| Bài 1: HĐ nhóm  - HS đọc yêu cầu và các lưu ý SGK.  *- Mở bài:*  + Trường em là trường Tiểu học.......  + Ngôi trường khang trang nằm ở trung tâm thành phố, ngay sát con đường to trải bê tông phẳng lỳ.  *- Thân bài:* Tả từng phần của trường.  + Nhìn từ xa: ngôi trường xinh xắn hiền hoà dưới những cây cổ thụ.  + Trường: tường sơn màu vàng thật sang trọng.  + Cổng trường sơn màu xanh đậm.  + Sân trường đổ bê tông, lát gạch kiên cố.  + Bàng, phượng, hoa sữa như cái ô khổng lồ che mát sân trường.  Giờ chơi sân trường thật là nhộn nhịp.  + Lớp học : dãy nhà 2 tầng với các phòng học rộng rãi, thoáng mát, có đèn điện, quạt trần, cửa sổ và cửa ra vào sơn màu xanh rất đẹp.  + Bàn ghế: ngay ngắn gọn gàng.  + Thư viện: có nhiều sách báo.  - *Kết bài*: em yêu quý, tự hào về trường em  Bài 2: HĐ cá nhân  - Học sinh đọc yêu cầu bài, lớp theo dõi  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm  - Lần lượt từng em nêu ý kiến của mình  : Ngôi trường của em  - Buổi sáng/trước buổi học/sau giờ tan học.  + Tả cảnh sân trường.  + Lớp học, vườn trường, phòng truyền thống, hoạt động của thầy và trò.  - 1 HS( M3,4) viết bảng nhóm, HS còn lại viết vào vở.  - Học (M3,4) trình bày.  - Học sinh đọc yêu cầu.  - Tả sân trường.  -Tả lớp học.  - Học sinh làm cá nhân  - HS trình bày kết quả  - Lớp theo dõi nhận xét | - Mời HS đọc yêu cầu và các lưu ý SGK.  - Giáo viên đưa câu hỏi gợi ý.  + Đối tượng em định miêu tả cảnh là gì?  + Thời gian em quan sát vào lúc nào?  + Em tả những phần nào của cảnh?  + Tình cảm của em đối với mái trường ntn ?  - Yêu cầu học sinh tự lập dàn ý.  Lưu ý: đọc kỹ phần lưu ý.  + Xác định góc quan sát, đặc điểm chung và riêng của cảnh vật. Quan sát bằng nhiều giác quan: màu sắc, âm thanh, đường nét, hương vị, sắc thái, chú ý các điểm nổi bật gây ấn tượng.  - Trình bày kết quả  - Giáo viên nhận xét, sửa chữa  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Em chọn đoạn văn nào để miêu tả?  - Yêu cầu HS tự làm bài: viết một đoạn phần thân bài  - HS trình bày phần viết của mình.  - Giáo viên nhận xét |
| 3. HĐ vận dụng *(5 phút)* | |
| - HS nêu | - Trong đoạn văn em vừa viết thì em thích nhất hình ảnh nào ? Vì sao ? |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Luyện từ và câu*

LUYỆN TẬP VỀ TỪ TRÁI NGHĨA

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

*-* Biết tìm những từ trái nghĩa để miêu tả theo yêu cầu của BT4 (chọn 2 hoặc 3 trong số 4 ý: a, b, c, d). HS( M3,4)thuộc được 4 thành ngữ tục ngữ ở BT1, làm được toàn bộ bài BT4.

*-* Tìm được các từ trái nghĩa theo yêu cầu của BT1, BT2 (3trong số 4 câu), BT3. Đặt được câu để phân biệt 1 cặp từ trái nghĩa tìm được ở BT4 (BT5).

*2 Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3.Phẩm chất: Thích tìm từ trái nghĩa để giải nghĩa một số từ cần thiết.

II. CHUẨN BỊ:

Đồ dùng dạy học:

- GV: Bút dạ, bảng nhóm viết nội dung bài 1, 2, 3. Từ điển HS.

- HS: SGK, vở

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm…

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. HĐ mở đầu: *(3 phút)* | |
| - HS tổ chức trò chơi "Truyền điện" với các câu hỏi:  + Thế nào là từ trái nghĩa ?  + Từ trái nghĩa có tác dụng gì ?  + Đặt câu với một cặp từ trái nghĩa ?  - HS nghe  - HS ghi vở | -Theo dõi HS chơi trò chơi  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài |
| 2. HĐ thực hành: *(27 phút)* | |
| Bài 1: HĐ cá nhân  - Học sinh đọc yêu cầu  - HS làm vở  *+ ít / nhiều; chìm / nổi*  *+ Nắng / mưa; trẻ / già*  - HS nêu  - Học sinh nhẩm thuộc.  Bài 2: HĐ cá nhân  - Học sinh đọc yêu cầu.  - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả:  - Các từ điền vào ô trống*: lớn, già, dưới, sống.*  Bài 3: HĐ cá nhân  - Học sinh làm bài cá nhân  Bài 4: HĐ nhóm  - Học sinh đọc yêu cầu  - Các nhóm thảo luận viết vào phiếu các cặp từ trái nghĩa theo nội dung giáo viên yêu cầu.  a. Tả hình dáng :  *+ cao / thấp, cao vống / lùn tịt*  *+ to / bé, to xù / bé tí...*  - Đại diện nhóm trình bày  - Học sinh đọc yêu cầu.  - HS nối tiếp nhau đọc câu mình đặt.  Bài 5: HĐ cá nhân  - HS đọc yêu cầu  - Chia 4 nhóm yêu cầu học sinh thảo luận.  - Tìm từ trái nghĩa ở mỗi phần.  + Lưu ý: mỗi nhóm một phần.  - Gợi ý: các từ trái nghĩa thường có cấu tạo giống nhau: hoặc cùng là từ đơn hoặc cùng là từ ghép hay từ láy. | - Yêu cầu học sinh tự làm bài, giáo viên gợi ý: chỉ gạch chân dưới các từ trái nghĩa có trong các câu thành ngữ.  - Em hiểu nghĩa của các câu thành ngữ tục ngữ trên là gì ?  - Yêu cầu học sinh học thuộc những câu thành ngữ, tục ngữ  - Yêu cầu học sinh tự làm bài  - Giáo viên nhận xét  - Yêu cầu HS đọc lại các câu đã điền  - Giáo viên nhận xét đánh giá.  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu học sinh tự làm bài.  - Giáo viên hướng dẫn có thể đặt câu chứa cả cặp từ hoặc 2 câu mỗi câu chứa 1 từ.  - Giáo - Giáo viên nhận xét, đánh giá |
| 3. HĐ vận dụng: *(5 phút)* | |
| - HS tìm từ trái nghĩa trong câu thơ sau:  *Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay,*  *Ra sông nhớ suối, có ngày nhớ đêm.* | - Giaó viên nhận xét, sửa chữa. |
|  | - Về nhà viết một đoạn văn ngắn tả cảnh chiều tối có sử dụng các cặp từ trái nghĩa. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Khoa học*

VỆ SINH Ở TUỔI DẬY THÌ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

*-* Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì.

*-* Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì.

*-* Có ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể

\* GD BVMT: Mức độ tích hợp liên hệ, bộ phận: Mối quan hệ giưa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường. Từ đó phải có ý thức BVMT chính là BV con người.

*- Năng lực:* Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên,vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

- Phẩm chất: Học sinh ham thích tìm hiểu khoa học, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Đồ dùng

- Giáo viên: Hình minh hoạ trang 18, 19 SGK; phiếu học tập

- Học sinh: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động mở đầu: (5 phút) | |
| - HS tổ chức chơi trò chơi "Bắn tên" với nội dung sau:  + Nêu các giai đoạn phát triển của con người ?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn vị thành niên?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn trưởng thành?  + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn tuổi già?  - HS nghe  - HS ghi vở | - Theo dõi Học sinh chơi trò chơi  - Giáo viên nhận xét  - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài |
| 2. Hoạt động hình thành kiến kiến thức mới: (25 phút) | |
| \*Hoạt động 1*: Những việc nên làm để giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì*.  - Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi.  - HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi:  + Em làm gì để giữ vệ sinh cơ thể ?  - học sinh đọc và tự làm bài.  - Trình bày kết quả  Hoạt động 2: *Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì*.  - Học sinh nhận phiếu  - Học sinh tự làm bài.  - HS trình bày kết quả  - 1 học sinh đọc mục: bạn cần biết  - Thảo luận nhóm.  - Học sinh quan sát trang19 SGK và dựa vào hiểu biết thực tế của mình trả lời  - HS báo cáo kết quả  - HS nghe | + Thường xuyên tắm giặt gội đầu.  + Thường xuyên thay quần lót.  + Thường xuyên rửa bộ phận sinh dục  - KL: Tuổi dậy thì bộ phận sinh dục phát triển, nữ có kinh nguyệt, nam có hiện tượng xuất tinh, cần vệ sinh sạch sẽ và đúng cách  - Phát phiếu học tập cho học sinh. Lưu ý phiếu của học sinh nam riêng, học sinh nữ riêng  - Giáo viên nhận xét  - Chia 4 nhóm:  - Yêu cầu học sinh thảo luận tìm những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ về thể chất, tinh thần ở tuổi dậy thì?  - Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả thảo luận.  - GV chốt: Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần ăn uống đủ chất, tăng cường luyện tập TDTT, vui chơi giải trí lành mạnh; tuyệt đối không sử dụng các chất gây nghiện như thuốc lá, rượu…; không xem phim ảnh hoặc sách báo không lành mạnh  - Giáo viên nhận xét, khen ngợi |
| 3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (5 phút) | |
| - HS trả lời | - Nếu bạn bè rủ em hút thuốc thì em sẽ làm gì ? |
| - HS nghe và thực hiện | - Hãy viết một đoạn văn để tuyên truyền, vận động các bạn trong lớp tránh xa các chất kích thích, gây nghiện. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Toán*

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

*-* Biết giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

*-* Giải bài toán liên quan đến tỉ lệ bằng hai cách “Rút về đơn vị” hoặc “Tìm tỉ số”.

- HS làm bài 1, bài 2, bài 3.

*- Năng lực:*

+ Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Đồ dùng dạy học

- GV: SGK, bảng phụ…

- HS : SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. HĐ mở đầu: *(5 phút)* | |
| - HS hát tập thể | - Giới thiệu bài - ghi đầu bài lên bảng - HS hát |
| 2. HĐ thực hành: *(25 phút)* | |
| Bài 1: HĐ cá nhân  - Học sinh đọc đề, lớp đọc thầm.  - Dạng toán tổng - tỉ.  - HS làm bài cá nhân, báo cáo kết quả  - HS nêu  Giải  Số học sinh nam là:  28: (2 + 5) x 2 = 8 (em)  Số học sinh nữ là:  28 - 8 = 20 (em)  Đáp số: 8 em nam  20 em nữ  Bài 2: HĐ cá nhân  - HS đọc đề bài  - Học sinh đọc đề toán, lớp đọc thầm  - Khi quãng đường giảm bao nhiêu lần thì số lít xăng tiêu thụ cũng giảm bấy nhiêu lần.  - Học sinh làm bài cặp đôi, đổi vở kiểm tra chéo  Giải  100 km gấp 50 km số lần là:  100 : 50 = 2 (lần)  Đi 50 km tiêu thụ hết số lít xăng là:  12 : 2 = 6 (lít)  Đáp số: 6 lít xăng  Bài 3: HĐ cặp đôi  - HS đọc đề bài  - Khi quãng đường đi giảm một số lần thì số lít xăng tiêu thụ thay đổi như thế nào ?  - học sinh thảo luận cặp đôi làm bài.  Tóm tắt : *100 km : 12 lít*  *50 km :..... lít ?* | - Gọi HS đọc đề bài  - Bài toán thuộc dạng toán gì?  - Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân  - Yêu cầu học sinh nêu các bước giải  - Giáo viên nhận xét  - HS đọc  - HS làm vở, báo cáo kết quả  Giải  Chiều rộng của mảnh đất là:  15: (2 -1) = 15 (m)  Chiều dài mảnh đất là:  15 x 2 = 30 (m).  Chu vi mảnh đất là:  (15 + 30) x 2 = 90 (m)  Đáp số 90m  - Hướng dẫn học sinh làm tương tự  - Giáo viên nhận xét    - Giáo viên nhận xét |
| 4. HĐ vận dụng, trải nghiệm: *(5 phút)* | |
| - học sinh vận dụng làm bài toán sau:  *Chị Hoa dệt được 72m vải trong 6 ngày. Hỏi với mức dệt như vậy, trong 24 ngày chị Hoa dệt được bao nhiêu mét vải?* | -Quan sát HS làm bài  *Giải :*  *24 ngày gấp 6 ngày số lần là :*  *24 : 6 = 4 (lần)*  *24 ngày dệt được số mét vải là :*  *72 x 4 = 288 (m vải)*  *Đáp số : 288 m vải.* |
| .- HS nghe và thực hiện | - Về nhà giải bài toán trên bằng cách khác |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Tập làm văn*

TẢ CẢNH (KIỂM TRA VIẾT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

*-* Viết được bài văn miêu tả hoàn chỉnh có đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài), thể hiện rõ sự quan sát và chọn lọc chi tiết miêu tả.

*-* Diễn đạt thành câu; bước đầu biết dùng từ ngữ, hình ảnh gợi tả trong bài văn.

- Xây dựng những đề bài mở tạo cơ hội cho học sinh sáng tạo, bộc lộ ý kiến, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, tình cảm của mình đồng thời thể hiện cách nghĩ, cách cảm, cách diễn đạt.

*2. Năng lực:*

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

3. Phẩm chất: Yêu thích làm văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Đồ dùng

- GV: SGK

- HS : SGK, vở viết

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. HĐ mở đầu: *(5 phút)* | |
| - HS chuẩn bị bài  - Học sinh trình bày  - Lắng nghe  - HS ghi vở | - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh:  - Nêu cấu tạo của bài văn tả cảnh ?  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng |
| 2. HĐ thực hành: *(25 phút)* | |
| - HS đọc to đề bài  *Đề bài :*  1.Tả cảnh một buổi sáng (hoặc trưa, chiều) trong một vườn cây (hay trong công viên, trên đường phố, trên cánh đồng, nương rẫy)  2.Tả một cơn mưa.  3.Tả ngôi nhà của em ( căn hộ, phòng ở của gia đình em)  - Học sinh nhắc lại yêu cầu bài, chọn đề bài.  - Học sinh viết bài vào vở.  - HS nghe và thực hiện  - Học sinh thu bài | \* Hướng dẫn HS làm bài:  - Đề bài yêu cầu gì?  - Yêu cầu học sinh viết bài  - Giáo viên quan sát, nhắc học sinh làm bài và cách trình bày bài khoa học.  \* Thu bài |
| 3. HĐ vận dụng, trải nghiệm: (5phút) | |
| - HS nêu | - Em viết mở bài theo kiểu nào ? Kết bài theo kiểu nào ? |
| - HS nghe và thực hiện. | - Về nhà chọn một đề bài khác trong 3 đề trên để tả. |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ

SINH HOẠT LỚP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nắm được ưu điểm và nhược điểm về các mặt: Học tập, nề nếp, vệ sinh, và việc thực hiện nội quy của trường của lớp.

- HS đưa ra được nhiệm vụ và biện pháp để thực hiện kế hoạch tuần tiếp theo.

- Sinh hoạt theo chủ điểm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

* Bảng phụ viết sẵn kế hoạch tuần tới.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động học tập của HS | Hoạt động tổ chức, hướng dẫn  của GV |
| 1. Hoạt động khởi động:  - Gọi lớp trưởng lên điều hành:  2. Nội dung sinh hoạt:  a. Giới thiệu:  - GV hỏi để học sinh nêu 3 nội dung hoặc giáo viên nêu.  1. Đánh giá nhận xét hoạt động tuần vừa qua.  2. Xây dựng kế hoạch cho tuần sau.  3. Sinh hoạt theo chủ điểm  b. Tiến hành sinh hoạt:  \*Hoạt động 1: Đánh giá nhận xét hoạt động trong tuần  Gv gọi lớp trưởng lên điều hành.  - Nề nếp:  - Học tập:  - Vệ sinh:  - Hoạt động khác  GV: nhấn mạnh và bổ sung:  - Một số bạn còn chưa có ý thức trong công tác vê sinh.  - Sách vở, đồ dùng học tập  - Kĩ năng chào hỏi  ? Để giữ cho trường lớp xanh - sạch- đẹp ta phải làm gì?  ? Để thể hiện sự tôn trọng đối với người khác ta cần làm gì?  \*H. đông 2: Xây dựng kế hoạch trong tuần  - GV giao nhiệm vụ: Các nhóm hãy thảo luận, bàn bạc và đưa ra những việc cần làm trong tuần tới (TG: 5P)  - GV ghi tóm tắt kế hoạch lên bảng hoặc bảng phụ  - Nề nếp: Duy trì và thực hiện tốt mọi nề nếp  - Học tập: - Lập thành tích trong học tập  - Chuẩn bị bài trước khi tới lớp.  - Vệ sinh: Vệ sinh cá nhân, lớp học, khu vực tư quản sạch sẽ.  - Hoạt động khác  + Chấp hành luật ATGT  + Chăm sóc bồn hoa, cây cảnh lớp học, khu vực sân trường.  - Tiếp tục trang trí lớp học  - Hưởng ứng tuần lễ *Học tập suốt đời*  \*Hoạt động 3: Sinh hoạt theo chủ điểm  - GV mời LT lên điều hành:    - GV chốt nội dung, chuẩn bị cho tiết sinh hoạt theo chủ điểm tuân sau.  3. Tổng kết:  - Cả lớp cùng hát bài: “Lớp chúng ta đoàn kêt” | - Lớp trưởng lên điều hành:  - Cả lớp cùng thực hiện.  - HS lắng nghe và trả lời.  - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm:  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS lắng nghe.  - HS trả lời  - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo kế hoạch tuần 6  + Tổ 1  + Tổ 2  + Tổ 3  - HS nhắc lại kế hoạch tuần  - LT điều hành  + Tổ 1 Kể chuyện  + Tổ 2 Hát  + Tổ 3 Đọc thơ |

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có)

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................